

Tục thờ cúng thần linh gốc Chăm của cư dân biển Bắc Trung Bộ (tiếp cận từ góc nhìn địa văn hóa - lịch sử)

Đinh Đức Tiến*, Đỗ Thanh Thảo**

Nhận ngày 7 tháng 1 năm 2023. Chấp nhận đăng ngày 16 tháng 4 năm 2023.

Tóm tắt: Bài viết tập trung làm rõ hệ thống thần linh của cư dân biển Bắc Trung Bộ nói chung và thần linh là nữ thần (có nguồn gốc Champa) nói riêng. Trong quá trình khai phá, sinh sống thích nghi với môi trường biển đảo, cư dân Bắc Trung Bộ đã chịu sự tác động của môi trường tự nhiên, những thay đổi của lịch sử, văn hóa, kinh tế, xã hội... mà tạo thành truyền thống sinh hoạt. Trong những truyền thống đó, các giá trị về tín ngưỡng tâm linh cũng dần hình thành, phát triển và chịu sự tác động qua lại giữa các nhóm cư dân trên không gian của một hệ sinh thái đặc trưng - hệ sinh thái/môi trường biển. Các vị thần linh xuất hiện trong đời sống tín ngưỡng cư dân biển rất đa dạng, mỗi nhóm thần linh đều đóng vai trò và chức năng riêng biệt. Trong đó, nhóm thần linh là nữ thần cũng đóng vai trò quan trọng đối với cư dân biển nói chung và cư dân biển Bắc Trung Bộ nói riêng.

Từ khóa: Biển, Bắc Trung Bộ, nữ thần biển, Champa.

Phân loại ngành: Sử học

Abstract: The article focuses on clarifying the divine system of the North Central Coast residents in general and the goddess (of Champa origin) in particular. The process of exploring, living and adapting to the sea and island environment, residents of the North Central Coast have been affected by the natural environment, changes in history, culture, economy and society, etc. living traditions. In those traditions, values of spiritual beliefs also gradually formed, developed and were influenced by the interactions between groups of inhabitants in the space of a specific ecosystem - sea ecosystem/environment. The gods appearing in the religious life of sea dwellers are very diverse, each group of gods plays a separate role and function. In particular, the group of gods and goddesses also play an important role for marine residents in general and North Central Coast residents in particular.

Keywords: Sea, North Central Coast, sea goddess, Champa.

Subject classification: History

1. Dẫn luận

Trong môi trường tự nhiên, con người luôn bị đặt trước những thách thức mà họ phải tìm cách vượt qua, đặc biệt là với không gian biển cả rộng lớn. Biển cung cấp cho con người nguồn sống, nhưng đồng thời cũng có thể lấy đi tất cả những gì mà nó ban tặng. Con người sợ hãi trước những hiện tượng tự nhiên mà trong quá khứ họ không thể lý giải được, nên nhu cầu ra đời tín ngưỡng, tôn sùng các thế lực tự nhiên nhằm cân bằng tinh thần và niềm tin để vượt qua thử thách khó khăn đã dần trở nên phổ biến. Người Việt ban đầu được hình thành bởi nhóm cư dân “thiên di” từ miền núi, trung du xuống vùng châu thổ. Họ men theo lưu vực của các dòng sông, rồi “giao thoa” với nhóm cư dân vùng biển, tạo thành một cuộc “hôn phối Tiên - Rồng” theo truyền thuyết Lạc Long

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Email: tiendinhduc@ussh.edu.vn

** Trường Trung học phổ thông Nguyễn Gia Thiều.

Quân với Âu Cơ - một truyền thuyết mang nặng màu sắc Nho giáo và ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa. Cái hạn chế của truyền thuyết là thiếu tính thực chứng và đầy huyền hoặc - không đủ tin cậy về phương diện khoa học, nhưng nó lại phản ánh phần nào bản chất của một thời đại lịch sử, của quá trình hình thành những nhóm cư dân khác nhau trên cùng một lãnh thổ (địa vực cư trú). Với gốc gác từ sự “hỗn chủng” giữa các nhóm người Mường với Tày - Thái, người Việt đã làm chủ trên một không gian, từ miền núi xuống đến vùng châu thổ và biển đảo. Tuy nhiên, người Việt được hình thành không phải một sớm một chiều, mà theo dòng chảy lịch sử, họ tiếp tục “hỗn huyết” với các yếu tố cư dân ngoại lai khác như: Hán (Trung Hoa), Champa... mà tạo nên một dòng người Việt có những sắc thái khác nhau trong từng khu vực và không gian địa lý cụ thể (Đình Đức Tiến, 2015).

Từ quá trình định cư, sinh sống trong từng không gian tự nhiên và chịu sự tương tác của lịch sử (gồm các phương diện: chính trị, kinh tế, xã hội...) khác nhau, nhóm cư dân Việt đã định hình những tập tục, tín ngưỡng và hệ thống thần linh liên quan. Đối với cư dân ở miền biển, một hệ thống thần linh hình thành để đáp ứng cho nhu cầu cuộc sống tinh thần, đáp ứng nhu cầu tâm linh cho đời sống của cộng đồng. Những thần linh của cư dân vùng biển cũng nằm trong hệ thống bách thần đất Việt, nên cũng được phân chia thành: nhiên thần, nhân thần; nam thần, nữ thần... Và, theo tuân theo quy luật, các vị thần có nguồn gốc tự nhiên dần được nâng cấp - nhân hóa thành những nhân vật lịch sử. Ngược lại, các thần linh là nhân vật lịch sử cũng được thiêng hóa, có năng lực thần bí... (Đình Đức Tiến, 2017: 3-13) đối với đời sống của con người. Rồi, các thần linh cũng chịu sự ảnh hưởng, tác động, giao thoa giữa những loại hình tín ngưỡng của các nhóm cư dân cũ mới khác nhau trong quá trình di dân hoặc hỗn cư ở từng khu vực cư trú nhất định.

Thực chất đã có khá nhiều nghiên cứu về vấn đề này, những thần linh của cư dân biển Việt Nam nói chung và của cư dân biển các vùng miền: Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ không còn là chủ đề mới với các nhà khoa học¹. Những công trình nghiên cứu đi trước đã cung cấp nhiều thông tin quan trọng cũng như góc nhìn đa chiều về đời sống tín ngưỡng tâm linh Việt Nam, trong đó có đời sống tâm linh của cư dân biển. Bên cạnh việc nghiên cứu về đời sống tín ngưỡng tâm linh biển nói chung, còn có những nghiên cứu chuyên sâu về đời sống tín ngưỡng của cư dân Champa trong lịch sử. Những nghiên cứu về quá trình “Nam tiến” giao thoa văn hóa giữa hai nhóm người Chăm - Việt, tạo thành các giá trị văn hóa mới trong đời sống tín ngưỡng của hai cộng đồng cư dân cùng sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam. Tuy nhiên, tiếp cận từ góc nhìn/ quan điểm địa lịch sử - địa văn hóa lại chưa có nhiều nghiên cứu đề cập tới; chính vì vậy, đây là hướng mở cho bài viết này khai thác, khảo cứu.

Để thực hiện nghiên cứu này, tác giả bài viết dựa trên nền tảng lý thuyết địa văn hóa - lịch sử (địa lý nhân văn), đã được các nhà nghiên cứu đi trước như: Lê Bá Thảo, Trần Quốc Vương... trong các công trình như: *Thiên nhiên Việt Nam, Việt Nam và các vùng địa lý, Việt Nam cái nhìn địa văn hóa...* Từ góc nhìn địa lý để thấy được cách thức nghi, ứng xử của con người trong từng môi trường tự nhiên cụ thể, từ đó hình thành nên những tập tục của cộng đồng nhất định. Bên cạnh đó, bài viết còn sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: (i) phương pháp sử học, được dùng để khai thác những nguồn tài liệu thư tịch cổ, nhận diện được điều kiện tự nhiên, lịch sử và truyền thống văn hóa của vùng đất Bắc Trung Bộ (đặc biệt là cư dân vùng ven biển); (ii) phương pháp đa

¹ Có thể đề cập đến một số công trình nghiên cứu tiêu biểu, liên quan đến bài viết này, như: L. Breton. (2005). *An Tĩnh cổ lục*; Tạ Chi Đại Trường. (2006). *Thần, người và đất Việt*; Đình Đức Tiến. (2015). *Dấu ấn văn hóa Chăm ở Huế. Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*. Số 12; Viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia. (2016). *Văn hóa biển đảo Việt Nam*. Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, 09 tập; Kỷ yếu Hội thảo khoa học: *Văn hóa biển Trung Bộ năm 2017*; Nguyễn Thăng Long. (2020). *Văn hóa dân gian làng ven biển Thừa Thiên Huế: nhìn từ tín ngưỡng thờ cúng Cá Ông* in trong *Nghiên cứu văn hóa miền Trung 2020*; Kỷ yếu hội thảo khoa học: *Văn hóa biển Bắc Trung Bộ năm 2022*.

ngành: lịch sử văn hóa, văn hóa dân gian, văn hóa học... để tiến hành điền dã, thu thập thông tin và tài liệu thực tế tại khu vực Bắc Trung Bộ; (iii) phương pháp chuyên gia, dùng để tham vấn ý kiến các nhà chuyên môn và kế thừa lại kết quả nghiên cứu đã được công bố.

2. Những dữ kiện địa lý, lịch sử

Vùng đất Bắc Trung Bộ được giới hạn từ xứ Thanh (Thanh Hóa) cho đến hết Thừa Thiên Huế, giới hạn về địa lý được xác định là Nam đèo Ba Dội (Tam Điệp, Ninh Bình) và Bắc đèo Hải Vân. Vùng địa lý này, mang đặc điểm chung của vùng đất Trung Bộ: (i) hẹp ngang theo chiều Đông - Tây, kéo dài theo chiều Bắc - Nam; (ii) nhìn theo trục Bắc - Nam: “một đèo, một đèo lại một đèo” (Ba Dội, Hoàng Mai, Hoàng Sơn/ Ngang, Hải Vân); (iii) nhìn theo trục Đông Tây: tính chất Cồn - Bàu rõ nét (cồn cát, bàu nước); (iv) dãy Bắc Trường Sơn chiếm chọn đến $\frac{3}{4}$ lãnh thổ phía Tây của vùng Bắc Trung Bộ, tạo thành một dải đất duyên hải nhỏ hẹp nằm ở rìa đất phía Đông giáp với biển; (v) Hạn chế về chiều Đông - Tây, tạo thành độ dốc lớn, hệ thống sông ngòi thường ngắn và có chế độ thủy văn khá khốc liệt vào mùa lũ (Trần Quốc Vượng, 1998: 315). Theo nhà nghiên cứu Lê Bá Thảo: “Trường Sơn Bắc gồm những dãy núi chạy song song theo hướng Tây Bắc - Đông Nam và nằm so le với nhau. Hơn nữa đây là một miền núi thấp, cao sần sần trung bình từ 600 đến 800m trên mặt biển, hẹp bề ngang và đồ dốc xuống phía đồng bằng duyên hải” (Lê Bá Thảo, 2001: 154).

Về diện mạo tự nhiên của Bắc Trung Bộ nhìn chung là như vậy, tuy nhiên, cụ thể vào mỗi tiểu vùng địa lý lại có sự khác biệt. Có thể chia Bắc Trung Bộ thành các tiểu vùng: xứ Thanh, xứ Nghệ Tĩnh, xứ Bình - Trị và xứ Huế; mỗi tiểu vùng có những đặc điểm địa hình và kết cấu đường bờ biển khác nhau, dù không nhiều, nhưng cũng đủ làm ra đặc trưng tính cách, căn cước văn hóa của cư dân ở từng địa phương. Trong bài viết này, tôi chia Bắc Trung Bộ thành 2 vùng địa lý: (i) vùng địa lý xứ Thanh - Nghệ - Tĩnh (Thanh Hóa - Nghệ An - Hà Tĩnh); (ii) vùng địa lý xứ Bình - Trị - Thiên (Quảng Bình - Quảng Trị - Thừa Thiên Huế). Đèo Ngang (Hoàng Sơn), chính là ranh giới tự nhiên giữa hai xứ/vùng của Bắc Trung Bộ, với mỗi vùng có đặc điểm địa lý khác nhau, đặc biệt là vùng biển và ven biển.

Có thể nhận thấy, về vùng biển ở xứ Thanh - Nghệ - Tĩnh, nhà nghiên cứu Lê Bá Thảo đã chỉ ra một số đặc điểm như sau: bờ biển của Thanh Hóa là bờ biển phẳng với một thềm lục địa tương đối nông và rộng trước mặt. Đó là một bờ biển đã được điều chỉnh: ở Bắc Nga Sơn, phù sa sông Hồng và sông Đáy đổ về còn làm cho đất liền tiến ra biển với một tốc độ khá lớn..., nhưng từ Nga Sơn đến mũi Ròn, các cồn cát đã nối liền những mũi đá nhô ra biển lại với nhau, tạo thành các bãi biển phẳng và dài như ở Lạch Trường, Sầm Sơn, Khoa Giáp (Tĩnh Gia). Sự lớn dần các mũi tên cát từ Bắc xuống Nam làm cho các cửa sông cũng chuyển theo hướng ấy... (Lê Bá Thảo, 2001: 207-208). Vùng biển Nghệ - Tĩnh cũng là bờ biển phẳng, kiểu mài mòn - bồi tụ có nhiều bãi đẹp. Ở phía Nam Lạch Quan, vịnh Diễn Châu vẽ một vòng cung ăn khá sâu vào đất liền, còn núi thì lâu lâu lại nhô ra biển tạo thành những mũi như mũi Rồng ở bắc Cửa Lò, mũi Ròn ở phía đông huyện Kỳ Anh. Hàng loạt các đảo nhỏ đứng canh ngoài bờ biển... (Lê Bá Thảo, 2001: 210).

Vùng biển Bình - Trị - Thiên được đánh giá là có đặc điểm là “kiểu bờ biển phẳng và tương đối đã hoàn toàn chấm dứt ở mũi đèo Hải Vân” (Lê Bá Thảo, 2001: 215). Sẽ không khác nhiều lắm với vùng biển Thanh - Nghệ - Tĩnh, nếu vùng biển Bình - Trị - Thiên không có những đầm phá lớn, tạo thành cảnh quan sinh thái đặc trưng. Theo Lê Bá Thảo: “phá Thuận An là phá lớn nhất ở vùng biển nước ta, gồm phá Tam Giang ở phía bắc và đầm Cầu Hai ở phía nam được bọc ở phía ngoài biển bởi một cồn cát chắn dài hàng chục kilomet có những cửa ra vào phá... Nước mặn từ ngoài biển do đó tìm được con đường ngắn nhất để theo thủy triều tiến vào đất liền, lên quá Huế đến 4km... Cửa Thuận An vì vậy là một vết cắt tự nhiên nhưng nó không đủ sức đóng vai trò là một cửa biển tốt. Đường giao thông thực sự từ biển vào đất liền chính là qua cửa Tư Hiền ở chân dãy núi đá granit Hải Vân là dãy núi làm giới hạn cho vùng Bình - Trị - Thiên. Các phá Tam Giang, Cầu Hai đóng một vai trò cực kỳ quan trọng trong đời sống của nhân dân Thừa Thiên” (Lê Bá Thảo, 2001: 214-215).

Dưới góc nhìn của các nhà địa lý hiện đại, thì vùng biển Bắc Trung Bộ có diện mạo như vậy. Theo các thư tịch cổ, thì vùng biển này được mô tả theo từng địa phương như sau: tỉnh Thanh Hóa có mặt Đông trông ra biển lớn, mặt Tây không chế rùng dài... Có 7 cửa biển, nhưng chỉ hai cửa Hội Triều và Y Bích là đường biển phải qua đê thông lên sông Lương sông Mã... (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2006, t.2: 279). Tỉnh Nghệ An và Đạo Hà Tĩnh (dưới triều Nguyễn), xung quanh núi giáp biển. Chiều Nam Bắc dài mà chiều Đông Tây ngắn, từ biển lên núi chỉ nửa ngày đường... Đường thủy thì do sông Lam thuộc Nghệ An, qua bến Nghèn, đến ngã ba Hà Hoàng đi đến cửa Sót (thuộc huyện Can Lộc), lại đi thuyền từ cửa Sót đến cửa Nãi, nhân thủy triều lên đi suốt đến sông Hộ thông ra cửa Nhượng; lại đi thuyền từ cửa Nhượng ven theo sông Lạc, nhân thủy triều lên thông qua cửa Khẩu suốt đến sông Trĩ và kênh mới Thần Đầu. Đến như một dãy Hoành Sơn phía Nam chạy dài đến biển thì lại là chỗ cổ họng giữa bắc nam (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2006, t.2: 99). Tỉnh Quảng Bình, có “phía đông giáp biển cả, phía tây không chế sơn man, phía Nam hướng vào Kinh kỳ, phía bắc liên với Hoan Châu... Ngoài có một dải Hoành Sơn, trên núi đặt cửa quan, có thể chống chọi, biển lớn bao bọc, sông dài quanh co, cửa ngang, lũy dọc... hình thế nhờ vậy làm bức bình phong che cho Kinh sư (Huế)” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2006, t.2: 12).

Ngoài phân chia về mặt tự nhiên, thì Bắc Trung Bộ còn là nơi giao thoa mạnh mẽ giữa hai nền văn hóa Đại Việt với Champa. Đèo Ngang (Hoành Sơn) chính là đường biên giới tự nhiên phân lập hai vương quốc. Trong diễn trình lịch sử, người Việt đã “Nam tiến” chiếm lĩnh những vùng đất nam Hoành Sơn, các châu mà *Toàn thư* chép là Bồ Chính, Địa Lý và Ma Linh (trương đương với vùng đất Quảng Bình và nửa phần Quảng Trị ngày nay) được vua Champa là Chế Củ cắt cho Đại Việt để chuộc mạng vào thế kỷ XI (Ngô Sĩ Liên, 1993, t.1: 274-275). Sang đến thời Trần, sau chuyến đi vào phía Nam của Thái thượng hoàng Trần Nhân Tông, ông hứa gả con gái cho vua Champa là Chế Mân. Để cưới được Huyền Trân công chúa, quốc vương Chế Mân đã cắt đất hai châu Ô, Lý (trương đương phần còn lại của Quảng Trị và Thừa Thiên Huế ngày nay) làm sính lễ (Ngô Sĩ Liên, 1993, t.2: 90-91). Vậy, vùng đất Bắc Trung Bộ vốn được chia thành hai nửa: từ Bắc đèo Ngang trở ra thuộc Đại Việt; từ Nam đèo Ngang trở vào thuộc Champa trong quá khứ². Chính vì vậy, đây cũng là nơi giao thoa - tiếp biến mạnh mẽ giữa hai nhóm cư dân Đại Việt - Champa trên nhiều phương diện: kinh tế, xã hội, văn hóa và cả quá trình hòa huyết chủng tộc nữa.

3. Tín ngưỡng thờ cúng thần linh biển của cư dân Bắc Trung Bộ

Cũng giống với những vùng miền khác trên lãnh thổ Việt Nam, đời sống tín ngưỡng tâm linh của các nhóm cư dân rất đa dạng và phong phú. Ở mỗi điều kiện môi trường tự nhiên, sinh thái khác nhau mà hình thành các nhóm thần linh gắn liền với mỗi vùng đất. Đây là một quan điểm không mới, nhưng rất phổ biến thực tiễn trong bối cảnh văn hóa Việt Nam nói chung và khu vực Bắc Trung Bộ nói riêng. Bên cạnh đó, đời sống tâm linh còn chịu sự chi phối của quá trình di dân, khi các lớp dân cư được đưa từ nơi ở cũ (cụm quán) sang nơi ở mới (tân quán hoặc kinh quán)³. Lý do cho những chuyến di dân cũng rất đa dạng: sức ép dân số; mâu thuẫn giữa các dòng họ; mất mùa đói kém nên phải phiêu bạt; chiến tranh loạn lạc; di dân do chính sách của nhà nước... Nhưng, tựu chung lại có hai hình thức cơ bản: di dân tự nguyện và di dân cưỡng bức. Di dân tự nguyện là trường hợp con người chủ động dịch chuyển từ không gian/ nơi ở này sang không gian/ nơi ở, khác

² Vùng lãnh thổ quanh đèo Ngang (Hoành Sơn) này đã trở thành vùng biên giới khá “phức tạp” giữa hai nhóm cư dân Champa - Đại Việt, đặc biệt là với chính quyền cai trị. Liên tục xảy ra những cuộc đánh chiếm, tranh giành và mở rộng quyền lực. Thời gian tranh giành đó, kéo dài từ khi Lâm Ấp được xác lập vào khoảng cuối thế kỷ II (sau công nguyên) cho đến lúc nhà nước Champa suy sụp vào năm 1471. Đặc biệt là, thời vua Lý Thánh Tông, năm 1069, tấn công Champa, bắt được vua Chế Củ. Ông vua Champa này đã cắt đất Địa Lý, Ma Linh, Bồ Chính về cho nhà Lý để chuộc mạng, một phần lãnh thổ nam đèo Ngang bị sáp nhập về Đại Việt (Ngô Sĩ Liên, 1993, t.1).

³ Trường hợp di chuyển lên khu vực trung tâm của đất nước - kinh sư, còn được gọi là “Kinh quán”.

để tìm kiếm cơ hội phát triển. Di dân cưỡng bức là sự dịch chuyển bị động của con người từ không gian/ nơi ở này sang không gian/ nơi ở khác và sự dịch chuyển này được tạo ra bởi sự ép buộc bằng vũ lực. Việc dịch chuyển dân cư này cũng dẫn đến quá trình biến đổi về đời sống tín ngưỡng tâm linh, thần linh của các nhóm người/ cộng đồng chịu sự “biến động khốc liệt”: (i) thần linh bản địa bị thay thế bởi những thần linh mới được mang từ nơi khác đến; (ii) thần linh theo các nhóm dân cư mới đến bị thần linh bản địa thay thế; (iii) hỗn dung để cùng tồn tại và phát triển trong đời sống của cộng đồng⁴. Hệ thống thần linh của cư dân biển Bắc Trung Bộ phải đề cập đến những nhân vật tiêu biểu sau:

- Ở xứ Thanh, có hòn/ đảo Biện Sơn nằm ở ngoài cửa Bạng, theo *Đại Nam nhất thống chí*: “nổi vọt lên giữa biển; dưới núi về phía tây nam có giếng Tẩy ngọc (giếng rửa ngọc); trên đỉnh núi phía bắc có đền thờ thần, phía nam có chùa thờ Phật; phía tây có đền thờ My Nương công chúa; dưới đền là vũng ngọc sản xuất ngọc trai. Đồi Lê có đặt trường lấy ngọc ở đây, những ngọc trai tìm được tất phải rửa bằng nước giếng thì sắc ngọc mới sáng, vì thế gọi là giếng tẩy ngọc; sườn núi bằng phẳng, có dân cư; về phía nam cách một dặm có hòn Mê, chim én biển thường đến đây làm tổ. Núi này là trấn sơn ở Biện Hải, thuyền biển thường đỗ ở đây để tránh sóng gió, nay có đặt pháo đài” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1997, t.2: 256). Công chúa My Châu theo truyền thuyết là con của An Dương Vương, vì nghe lời chồng mà gây tai họa cho Âu Lạc. Bà được thờ ở vùng biển Thanh Hóa và Nghệ An, trở thành một nữ thần linh liên quan đến biển cả. Không có các tài liệu lịch sử ghi chép về vấn đề này, nhưng nguồn tài liệu dân gian - phi thành văn cho phép tác giả suy đoán rằng, đây chính là quá trình dịch chuyển dân cư, một nữ thần linh ở vùng châu thổ đã dần “chuyển biển” thành một nữ thần linh mang màu sắc của biển cả, mà tích truyện về ngọc trai chỉ là một cái lý do giải thích mà thôi.

Liên quan đến tín ngưỡng của cư dân ven biển ở xứ Thanh, còn có những nhân vật liên quan: Uy Minh vương Lý Nhật Quang, Đông Hải đại vương Đoàn Thượng, Đông hải Nguyễn Phục, Tứ Vị thánh nương... Trong đó, riêng Đông Hải đại vương Đoàn Thượng là một tướng quân thời Lý, quê xứ Đông (Hải Dương - Hải Phòng - Quảng Ninh ngày nay), ông liên kết với Nguyễn Nộn (Bắc Ninh) chống lại nhà Trần; ông bị mắc mưu quan thái sư Trần Thủ Độ, bại trận và bỏ mạng trên đường chạy về bản doanh⁵. Từ một nhân thần ở vùng biển xứ Đông, theo các cuộc di dân nói chung và cư dân biển nói riêng, mà vị thần linh này xuất hiện ở vùng biển xứ Thanh - Nghệ. Một thần linh liên quan đến vùng biển Sầm Sơn của xứ Thanh là Độc Cước, thần có nửa người - được các nhà nghiên cứu giải mã là liên quan đến mặt trăng khuyết - tác động đến thủy triều (con nước) của biển cả. Đây cũng là vị thần được thờ cúng phổ biến ở các vùng biển Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ và có vai trò quan trọng trong đời sống tâm linh của ngư dân.

- Ở xứ Nghệ có thờ Uy Minh vương Lý Nhật Quang⁶, theo ghi chép, ông là hoàng tử thứ 8 của Lý Thái Tổ, được coi phủ Nghệ An, người dân Man Di đều tin phục, nước Chiêm Thành xin

⁴ Tạ Chí Đại Trường. (2006). *Thần, người và đất Việt*. Nxb. Văn hóa Thông tin. Hà Nội. Ông cho rằng, nhiều thần linh bản địa đã bị các thần linh địa phương khác theo chân các nhóm dân cư, bị trục xuất khỏi nơi thờ tự và biến mất trong hệ thống “bách thần đất Việt”.

⁵ Huyện Đường Hào (thuộc phần đất Mỹ Hào, Hưng Yên và Cẩm Giàng, Hải Dương hiện nay) vẫn còn có tích truyện việc ông thất trận chạy về đền thị trấn Bản Yên Nhân (Mỹ Hào, Hưng Yên ngày nay) thì đầu rơi xuống; con ngựa tiếp tục mang xác ông đến địa phận Mao Điền (Cẩm Giàng, Hải Dương). Nền dân gian vùng này có câu “Đầu Bản, thân Mao” để nói đến Đông hải đại vương Đoàn Thượng.

⁶ Uy Minh Vương Lý Nhật Quang cũng là một nhân thần - tướng lĩnh hoàng tộc của vương triều Lê sơ, ông được thờ khá phổ biến ở dọc vùng biển miền Trung Việt Nam, nhất là vùng biển Bắc Trung Bộ. Ở xứ Nghệ - Tĩnh, ông còn được đồng nhất với Ông Hoàng Mười, được thờ ở đền Hưng Nguyên (Nghệ An) và đền Chợ Cui (Hà Tĩnh). Đình Đức Tiên. (2017). Ông Hoàng Mười từ nhiên thần đến nhân vật lịch sử... Ngô Sĩ Liên. (1993). *Đại Việt sử ký toàn thư*, t.1, có ghi: Tháng 11 (năm 1041), vua xuống chiếu cho Uy minh hầu Nhật Quang làm tri châu Nghệ An (tr.262); tháng 8 (năm 1044) sau khi khải hoàn từ Champa trở về, vua Lý đến hành dinh Nghệ An, gọi Uy minh hầu Nhật Quang đến úy lạo rồi trao cho

dâng công. Lúc ấy ở Chiêm Thành các bộ lạc thường phân nhau, chúa Chiêm Thành sai sứ sang cầu viện, Vương đem thủy binh đến thẳng cửa biển Thi Nai... Các bộ lạc Chiêm nghe tin, đều đến hàng phục và xin theo mệnh chúa Chiêm Thành. Vương bèn đem quân về. Người Chiêm Thành tưởng nhớ ơn lập đền thờ ở dưới núi Tam Tòa... (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2006, t.2: 189). Ngày nay, dân gian vùng xứ Nghệ - Tĩnh vẫn duy trì việc thờ cúng ông, có lẽ vì cái chết của Lý Nhật Quang gắn với sông - biển, nên từ một nhân vật lịch sử, ông đã được thiêng hóa thành một thần linh mang hơi hướng của biển cả, sông nước. Hơn nữa, hành trạng, uy tín và công lao của ông gắn liền với vùng đất phía Nam (Champa).

Một nhóm thần linh khác gắn liền tới biển ở vùng Nghệ - Tĩnh là Tứ vị thánh nương, được thờ ở đền Càn Hải (đền Cờn), tương truyền, các thần là thái hậu và ba vị công chúa nhà Tống, bị quân Nguyên truy đuổi, nên chạy ra biển, rồi chết đuối, xác trôi đến cửa Càn, nhân dân địa phương lập đền thờ. Sau Tứ vị đã hiển linh - âm phù vua Trần Anh Tông và Lê Thánh Tông đi đánh Champa, báo mộng cho các vua rằng, thần là cung phi nhà Tống, vì giặc bức bách lệnh đênh sóng gió, trôi giạt đến đây, thượng đế đã sắc phong làm thần biển đã từ lâu, nay xin giúp công thánh thượng để giết giặc. Các vua đều lập được chiến công, khai hoàn, ban thêm mỹ tự, tu sửa đền thờ Tứ vị⁷. Gắn liền với tục thờ Tứ vị Thánh nương, hằng năm đến ngày rằm tháng chạp âm lịch, người ta tổ chức các cuộc tế thần, thu hút đám đông người đến lễ bái. Đó là một ngày hội được biểu hiện bằng những cuộc đua thuyền (Breton, 2005: 81).

Thôn Hải Khẩu, huyện Kỳ Anh (Hà Tĩnh) còn thờ nữ thần Chế Thắng phu nhân, tương truyền bà tên là Nguyễn Bích Châu, cung nhân của Trần Duệ Tông, theo thuyền ngự tiến đánh Champa. Thuyền đến vùng biển này, gặp sóng gió dữ dội, thuyền ngự sắp đắm, bà liền nhảy xuống biển, thuyền mới được yên. Sau Lê Thánh Tông tấn công thành Đồ Bàn, bà hiển linh xin vua cứu giúp. Vua cho viết bài hịch thả xuống nước, trách Quảng Lợi Vương không có công trạng, được chóc lát thì thấy thi thể Bích Châu nổi lên mặt nước, nhan sắc vẫn như lúc sống, nhà vua sai sửa lễ chôn cất và lập đền thờ (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2006, t.2: 105). Liên quan đến tên gọi Chế Thắng Phu nhân, trong *Ô Châu cận lục* cũng nhắc đến việc vua Trần Anh Tông đi đánh Chiêm Thành cũng phong tên gọi này cho vị hoàng hậu trong Tứ vị Thánh nương ở vùng Quảng Bình. Có lẽ, đây chỉ là mỹ tự hoặc tước danh phong chung cho các vị nữ thần linh đã có công âm phù cho hoàng đế đương triều đang trên đường chinh chiến.

- Ở *Quảng Bình - Quảng Trị*, có ghi chép về tục thờ hai vị thần linh liên quan đến biển là Nam Hải (ở Thổ Ngõa, huyện Bình Chính) và Long Vương (ở Phú Ninh, huyện Phong Lộc): tương truyền, vào năm hạn hán, cư dân vùng này thường cầu đảo, rất linh ứng (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2006, t.2: 60). Ở sông Tam Kỳ thuộc hai xã Câu Nhi, Hà Lộ (huyện Hải Lăng) có tục thờ Thần Thủy tộc. *Ô Châu cận lục* có chép việc này: “thần vốn là loài sống dưới nước. Tục truyền là ở

tiết việt trần thủ châu ấy, gia phong tước vương. Trước đây, vua ủy cho Uy minh thu tô hàng năm ở Nghệ An và sai lập trại Bà Hòa khiến cho trần ấy được vững chắc, lại đặt điểm canh các nơi cất chứa lương thực đầy đủ, cái gì cũng vừa ý vua, cho nên được cất phong như thế (tr.266).

⁷ Trong Quốc Sử quán triều Nguyễn. (2006). *Đại Nam nhất thống chí*. t.2: 189-190, tích truyện về Tứ vị Thánh nương vẫn còn có nhiều dị bản khác nhau, theo *sách Đại Nam nhất thống chí*, thì Tứ vị xuất hiện vào thời hậu Tống (960-1279). Tuy nhiên, theo H. L. Breton. (2005). *An Tĩnh cổ lục*. Nxb. Nghệ An - Trung tâm văn hóa ngôn ngữ Đông Tây. tr.79-80 dựa theo truyền thuyết của địa phương cho rằng, Tứ vị Thánh nương là người triều Tiền Tống (420-479). Theo Dương Văn An (2008). *Ô châu cận lục*. Nxb. Giáo Dục, Hà Nội. tr.95-97 ghi là Tứ Vị Thánh nương thuộc triều Hậu Tống. Nhưng qua đây, Dương Văn An cũng khảo được một dị bản khác về Tứ vị Thánh nương, liên quan đến đời vua Hùng thứ 13, xảy ra việc “cung đấu” giữa các hoàng hậu và phi tần trong việc sinh con trai kế vị. Vì có “muru gian” mà hoàng tử do hoàng hậu sinh hạ đã bị phế bỏ tính hoàn (âm dương bất cụ). Vì việc này, mà hai mẹ con đã bị đuổi ra ngoài đảo, đền cửa Càn thì mất. Nhưng lại rất hay hiển linh, ngư dân thường cầu khẩn để đánh được nhiều cá. Lập miếu thờ ở đây.

xã Hà Lộ có một cô gái chưa chồng và thần tư thông với nhau và cô gái ấy chết và được phối thờ làm thần. Lại (có thuyết) nói rằng đó là một người phụ nữ, cũng là vợ của viên xã trưởng xã Hà Lộ. Thỉnh thoảng thần tư thông với bà, khiến bà có thai, đẻ ra trứng rồi chết” (Dương Văn An, 2008: 103). Theo *Đại Nam nhất thống chí*, thì ở Hà Lỗ, huyện Hải Lăng có thờ thần Thủy tộc phu nhân, tương truyền thần là người xã Lương Điền, chưa có chồng, một hôm theo ven sông bắt cá, bị chết đuối, ngày hôm sau, xác nổi lên trôi giạt vào bên sông Hà Lỗ, rồi phụ hồn vào đồng nói rằng: Long vương đã đem vào cung làm phu nhân rồi. Từ đó tỏ ra anh linh, người địa phương lập đền thờ (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2006, t.1: 199).

- Ở *Thừa Thiên Huế*, hệ thống thần linh biển cũng rất đa dạng, có thể đề cập đến thần Nam Hải Long vương được thờ ở xã Dương Xuân, huyện Hương Thủy. Sau dời về cửa biển Thuận An thuộc xã Thái Dương, huyện Hương Trà - gọi là thần cửa biển Thuận An. Năm Minh Mệnh thứ 13, đặt thần Nam Hải Long vương vào chính giữa, bên trái thờ thần cửa Thuận An và Tư Hiền, bên phải thờ thần Hà Bá (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2006, t.1: 72-73). Sau thần cửa Tư Hiền được tách ra, lập thành đền thờ riêng.

Đặc biệt là thần Thai Dương phu nhân, tương truyền thần có gốc gác là người Chiêm Thành, nhà có hai anh em, thuở nhỏ sống lênh đênh, cô quạnh nghèo hèn, phải nương nhờ đó đây. Bởi một việc tranh cãi với anh, anh tức giận lấy dao đánh vào đầu, bị thương. Vì thế mà anh em mỗi người một ngả. Anh chạy ra nước ngoài, sau trở thành nhà buôn lớn, đi thuyền vượt bể để về. Thần và anh trai gặp nhau không biết, kết thành vợ chồng, tình rất nồng đậm. Ở với nhau không bao lâu thì thần có thai mà không hề biết vợ chồng là anh em ruột. Sau người anh nhìn thấy vết sẹo trên đầu thần, mới hỏi nguyên do, thần kể lại, người anh biết đó là em ruột mình. Người anh sợ hãi, lặng lẽ để lại một nửa tài sản, rồi lên thuyền rời đi. Thần ở trên bãi cát ngày đêm nhớ chồng, ngậm sầu mà mát, cái thai hóa thành tảng đá. Có người như dân ở làng chài gần đó, đêm đến gối đầu lên tảng đá để ngủ. Trong mơ thấy người phụ nữ mang thai lay đầu anh ta và nói: chớ phạm đến cái thai. Ngư dân tỉnh dậy, cho là linh dị, bèn khẩn xin đánh được nhiều cá. Quả nhiên lời cầu khẩn linh nghiệm, ngư dân lập đền thờ cúng (Dương Văn An, 2008: 101-102). Liên quan đến thần Thai Dương phu nhân, *Đại Nam nhất thống chí* chép rằng: người đánh cá trong xã tên là Bó, thấy hòn đá kỳ dị bèn xoa vỗ vào đó mà ngủ, được thần báo mộng, nhận là Thai Dương phu nhân. Vị ngư dân này biết là thần linh, nên không dám mạo phạm và xin được phủ hộ đánh bắt được nhiều cá. Nếu được, thì sẽ lập miếu thờ, quả nhiên linh nghiệm. Sau có thuyền buôn Nhật Bản đi qua, thấy viên đá, cho là đá ngọc. Lấy búa lớn để búa, tự nhiên người lặn dừng ra. Khiêng xuống thuyền thì không sóng gió, thuyền bị đắm, người trên thuyền đều chết cả. Từ đó lừng lẫy anh linh, triều Nguyễn thường cầu mưa gọi gió đều linh ứng, bèn cho sửa làm đền miếu, có lệ quốc tế (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2006, t.1: 194-195).

Bên cạnh đó, liên quan đến cư dân vùng biển Bắc Trung Bộ, còn có các vị thần linh là Qua Qua phu nhân, Quế Nương, Thiên Ya Na... Mỗi vị khi xuất hiện đều có linh tích, thường gắn với các triều đại quân chủ, bằng cách âm phù giúp đỡ quân vương vượt qua sóng gió, bão tố của biển cả. Hoặc giúp đỡ ngư dân tránh được tai nạn, thu được nhiều tôm cá sau những chuyến ra khơi. Bên cạnh những câu chuyện huyền hoặc đó, thì những thông tin trong thần tích, tên gọi, hành trạng... cũng cho biết phần nào nguồn gốc ban đầu của các vị thần linh kể trên. Những nữ thần linh này, theo chúng tôi, có gốc gác là thần linh của Champa, sau được người Việt vào phủ lên những lớp văn hóa mới, tên gọi mới, bổ sung thêm những tích linh dị mới. Cụ thể như thần Thiên Ya Na, chính là Bà Mẹ xứ sở của người Chăm, thường gọi bằng cái tên: Poh Inur Naga. Hoặc bản thân Thai Dương phu nhân là một thần linh Champa rõ rệt, nhưng được Việt hóa và trở thành một thần linh trong hệ thống bách thần đất Việt. Hoặc tục

thờ thần linh Thủy tộc ở Hải Lăng, chính là tục thờ cá Ông, cá Bà/ Cô liên quan đến thần linh biển - gắn liền với đời sống của ngư phủ⁸.

4. Kết luận

Qua liệt kê sơ bộ những vị thần linh tiêu biểu của vùng biển Bắc Trung Bộ về tên gọi (danh xưng), tích truyện, thời đại, nguồn gốc..., có thể nhận định như sau:

Một là, các thần linh có nguồn gốc và tích truyện khá đa dạng, có trường hợp thần linh bản địa được hình thành trên cơ sở điều kiện tự nhiên, môi trường sinh thái của từng địa phương, vùng miền. Cũng có trường hợp, bắt nguồn từ hoàn cảnh lịch sử của từng vùng đất: chiến tranh, thiên tai hoặc quá trình di cư của những nhóm cư dân khác nhau mà các thần linh có thể được thay thế tên gọi bằng những danh xưng khác.

Hai là, sự xuất hiện mang tính trừu tượng của các nữ thần linh gắn với biển cả là một đặc điểm cơ bản của đời sống tín ngưỡng cư dân biển Bắc Trung Bộ nói riêng và Việt Nam nói chung. Đây cũng là đặc tính/ nguyên lý Nữ/ Mẹ trong đời sống của cư dân biển Bắc Trung Bộ.

Ba là, sự xuất hiện của các thần linh có nguồn gốc Champa trong đời sống tín ngưỡng tâm linh của cư dân biển Bắc Trung Bộ là một đặc điểm cơ bản khác. Trong quá trình “Nam tiến”, những lớp văn hóa Đại Việt đã phủ lên lớp văn hóa Champa và ngược lại, văn hóa Champa đã “giao thoa - tiếp biến” với văn hóa Đại Việt, tạo thành một đặc trưng văn hóa riêng có của vùng biển Bắc Trung Bộ.

Bốn là, các yếu tố địa lý (điều kiện tự nhiên, môi trường sinh thái), lịch sử xã hội đã tác động mạnh mẽ đến hệ thống thần linh trên ở vùng biển Bắc Trung Bộ. Những yếu tố này tác động đến nguồn gốc, những biến đổi về danh xưng/ tên gọi, hành trạng và linh tích của các vị thần linh. Chính vì vậy, mỗi vị thần linh đã chịu nhiều lớp lang văn hóa khác nhau, đan xen, chồng xếp lên nhau, khiến chúng ta khó nhận diện được gốc gác, nguồn gốc của họ.

Năm là, trên nền tảng về tự nhiên và lịch sử xã hội như vậy, đã diễn ra một quá trình giao thoa - tiếp biến mạnh mẽ giữa hai nền văn hóa Champa - Đại Việt trên nhiều phương diện của đời sống chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, hòa huyết chủng tộc. Theo chúng tôi, chính quá trình hòa huyết chủng tộc giữa hai dòng máu Đại Việt - Champa trở thành bệ đỡ quan trọng và “cú hích” thúc đẩy quá trình giao thoa văn hóa, đặc biệt là văn hóa tâm linh (bao gồm tôn giáo, tín ngưỡng).

Tài liệu tham khảo

- Dương Văn An. (2008). *Ở châu cận lục*. Nxb. Giáo dục.
- Đình Đức Tiến. (2015). *Quan hệ Đại Việt - Champa thế kỷ X-XV ở châu thổ Bắc Bộ* [Luận án Tiến sĩ sử học, Học viện Khoa học xã hội (Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam), Hà Nội].
- Đình Đức Tiến. (2017). Ông Hoàng Mười: từ nhiên thần đến nhân vật lịch sử dưới góc nhìn địa văn hóa. *Văn hóa dân gian*. Số 4.
- H. L. Breton. (2005). *An Tĩnh cổ lục*. Nxb. Nghệ An - Trung tâm văn hóa ngôn ngữ Đông Tây
- Lê Bá Thảo. (2001). *Thiên nhiên Việt Nam*, Nxb. Giáo dục.
- Ngô Sĩ Liên. (1993). *Đại Việt sử ký toàn thư*. t.1, 2. Nxb. Khoa học xã hội.
- Quốc Sử quán triều Nguyễn. (2006). *Đại Nam nhất thống chí*. t.1, 2. Nxb. Thuận Hóa.
- Tạ Chí Đại Trường. (2006). *Thần, người và đất Việt*. Nxb. Văn hóa Thông tin.
- Trần Quốc Vượng. (1998). *Việt Nam cái nhìn địa văn hóa*. Nxb. Văn hóa Dân tộc. Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*.

⁸ Thuật ngữ “ngư phủ” được hiểu theo nhiều cách khác nhau, nhưng nôm na ban đầu là chỉ nhóm cư dân vạ chài, sống phụ thuộc vào nghề chài lưới trên sông biển. Sau nhiều năm diền dã thực địa ở các vùng miền khác nhau, trong đó có vùng sông/nước/biển, chúng tôi nhận thấy thuật ngữ “ngư phủ” đề chỉ: *thứ nhất*, không gian sinh hoạt và cũng chính là phương tiện hoạt động trên sông/ biển - thuyền/ tàu/ bè...; *thứ hai*, là bản thân các ngư dân và gia đình của họ, sống nhờ vào công việc chài lưới, đánh bắt thủy hải sản. Sau này, khi công việc đánh bắt thủy hải sản/ chài lưới không đem lại hiệu quả kinh tế cao, họ đã chuyển sang hoạt động khai thác du lịch, dùng tàu/ thuyền chở du khách theo tour, bản thân họ vẫn tự nhận mình là “ngư phủ”. Vậy, nội hàm của khái niệm “ngư phủ” được mở rộng sang các hoạt động khai thác khác, nhưng vẫn sử dụng tàu/ thuyền làm công cụ và mưu sinh trên môi trường sông/ biển.